ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

PGS.TS. Ngô Thanh Hoàng*

Dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay. Việc xây dựng và áp dụng hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật trong giáo dục giúp quản lý hiệu quả nguồn lực, kiểm soát chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ công, là điều kiện tiên quyết để chuyển đổi từ cấp phát Ngân sách theo định mức đầu vào sang hiệu quả đầu ra. Tuy nhiên, thực tế triển khai còn gặp nhiều khó khăn, từ việc thiếu quy định cụ thể, sự chênh lệch giữa các địa phương đến vấn đề cập nhật và điều chỉnh định mức theo yêu cầu thực tiễn. Bài viết này sẽ phân tích thực trạng hiện nay, chỉ ra những hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ giáo dục công lập.

• Từ khóa: *định mức kinh tế - kỹ thuật, giáo dục.*

Public career services in the education sector play an important role in socio-economic development, especially in the current context. The development and application of a system of economic and technical norms in education helps to effectively manage resources, control costs and improve the quality of public services, which is a prerequisite for the transition from budget allocation based on input norms to output efficiency. However, the actual implementation still faces many difficulties, from the lack of specific regulations, the differences between localities to the problem of updating and adjusting norms according to practical requirements. This article will analyze the current situation, point out the limitations and propose solutions to perfect the system of economic and technical norms, contributing to improving the quality and efficiency of public education services.

• Key words: *economic and technical norms, education.*

Ngày gửi bài: 30/12/2024
Ngày gửi phản biện: 24/01/2025
Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 03/02/2025
Ngày chấp nhận đăng: 14/02/2025

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i282.03

Dẫn nhập

Chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực giáo dục đào tạo luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN); hệ thống dịch vụ giáo dục công lập hiện nay được cung cấp bởi các đơn vị sự nghiệp công lập chủ yếu được đảm bảo bởi kinh phí NSNN; và được các cấp chính quyền rất quan tâm. Tuy nhiên để thực hiện thành công việc chuyển đổi phương thức chi từ đầu vào sang kết quả như vậy cần phải xác định được giá thành đơn vị của dịch vụ giáo dục để cơ quan nhà nước có thẩm quyền có căn cứ về giá để đặt hàng. Vì vậy việc cần thiết phải xây dựng, ban hành hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật (KTKT) của dịch vụ giáo dục công lập là cần thiết, khách quan.

Cơ sở pháp lý về định mức KTKT dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục giai đoạn 2019 - 2023

Nắm bắt được yêu cầu đó, giai đoạn 2019 - 2023 các cơ quan hữu quan đã có những động thái tích cực nhằm xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về định mức KTKT nói chung cho tất cả các lĩnh vực sự nghiệp công và cho lĩnh vực giáo dục nói riêng. Cụ thể, cơ sở pháp lý về định mức KTKT dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục bao gồm:

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (sau đây gọi là nghị định 32) quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên: Nghị định 32 quy định và ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN. Từ định danh các dịch vụ cụ thể trong hệ thống dịch vụ giáo dục công lập của nghị định này là căn cứ để xây dựng định mức KTKT cho từng loại dịch vụ theo danh mục. Đồng thời, NĐ 32 quy định rõ quyền, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan trung ương, UBND các cấp trong quản lý về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong đó có ban hành, sửa đổi, bổ sung định

** Học viện Tài chính; email: ngothanhhoang@hvtc.edu.vn*

mức KTKT của các dịch vụ công (Điều 26); Trách nhiệm của các đơn vị SNCL trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (Điều 27).

Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL: Nghị định 60/2021/NĐ-CP quy định và ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN; quy định giá DVSNC sử dụng NSNN được tính dựa trên định mức KTKT, trường hợp chưa xây dựng định mức KTKT thì giá dịch vụ SNC được xác định theo định mức chi phí bình quân (Điều 5).

Ngoài việc tuân thủ những quy định chung trong khung pháp lý về ĐM KTKT DVSNC chung của tất cả các lĩnh vực SNC (như Nghị định 60/2021, Nghị định 32/2019), quy định pháp lý hiện hành về định mức KTKT dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục còn gồm các văn bản của Chính phủ, Bộ Giáo dục - Đào tạo cụ thể:

Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/09/2019 của Bộ Giáo dục Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức KTKT và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; Các quyết định của UBND các tỉnh ban hành hệ thống định mức KTKT về lao động và thiết bị, vật tư dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh; hay các quyết định của các tỉnh như: Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định định mức KTKT đối với giáo dục Trung học cơ sở công lập và Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định định mức KTKT đối với giáo dục Trung học phổ thông công lập); Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 15/04/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành định mức KTKT áp dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập).

Đối với giáo dục nghề nghiệp, ngay sau *Thông tư số 14/2019/TT-BGD ĐT* ngày 30/09/2019 của Bộ Giáo dục Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức KTKT và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo…

Khái quát nội dung định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục giai đoạn 2019 - 2023

Dù chưa thực sự thống nhất về thuật ngữ, hướng dẫn nói chung, song nhìn chung, quy định pháp lý về xây dựng, ban hành định mức KTKT lĩnh vực giáo dục (theo quy định tại TT14/2019/BGDĐT và TT07/2020/BLĐTBXH khá tương đồng về nội dung. Cụ thể, định mức KTKT trong lĩnh vực giáo dục là lượng tiêu hao các yếu tố về lao động, thiết bị, vật tư và cơ sở vật chất để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trong đó:

Định mức lao động là mức tiêu hao lao động sống cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc đào tạo cho 01 (một) người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Định mức lao động trực tiếp: Bao gồm các hoạt động giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thực hành, hướng dẫn tiểu luận, luận án, và luận văn. Định mức lao động gián tiếp: Bao gồm các chi phí quản lý và phục vụ, chẳng hạn như quản lý hành chính, quản lý tài chính, và các hoạt động hỗ trợ khác.

Định mức thiết bị là thời gian sử dụng thiết bị cần thiết đối với từng loại thiết bị để hoàn thành việc đào tạo cho 01 (một) người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Định mức vật tư là mức tiêu hao từng loại nguyên, vật liệu cần thiết để hoàn thành việc đào tạo cho 01 (một) người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Định mức cơ sở vật chất là thời gian sử dụng và diện tích sử dụng của một người học đối với từng loại cơ sở vật chất (khu học lý thuyết, khu thực hành thực tập và các khu chức năng khác) để hoàn thành việc đào tạo cho 01 (một) người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Thực trạng triển khai thực hiện xây dựng và ban hành hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục giai đoạn 2019 - 2023

Giai đoạn 2019 - 2023 là giai đoạn đánh dấu bước khởi đầu trong việc xây dựng, ban hành định mức KTKT các lĩnh vực sự nghiệp công nói chung, lĩnh vực giáo dục nói riêng. Hàng loạt các văn bản như Nghị định 60/2021NĐ-CP, Nghị định 32/2019/NĐ-CP, Thông tư 14/2019/TT-BGD, Thông tư 07/2020/TT-BLDTBXH là căn cứ pháp lý quan trọng, làm cơ sở nền tảng để lĩnh vực giáo dục xây dựng định mức KTKT. Tuy nhiên, kết quả triển khai thực hiện các quy định trong loạt các văn bản này chưa đạt như kỳ vọng. Cụ thể:

Xét riêng trong lĩnh vực giáo dục phổ thông công lập, giai đoạn 2019 - 2024 chỉ có 14/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định về định mức KTKT (theo TS. Phạm Thị Hoàng Phương, 2024)

Trong khi đó, hiện không có số liệu thống kê *được công bố chính thức trên cả nước* về số lượng cơ sở *đào* tạo đại học/ nghề nghiệp ban hành và áp dụng định mức KTKT. Theo kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu, hiện trên địa bàn cả nước, không có cơ sở đào tạo đại học công bố công khai định mức KTKT.

Nguyên nhân của tình trạng này có thể kể đến gồm:

Thứ nhất, *hệ thống văn bản pháp quy tính đồng bộ chưa cao*

Khái niệm, nội dung thuật ngữ định mức kinh tế kỹ thuật trong dịch vụ công nói chung và dịch vụ sự nghiệp công nói riêng chưa được luật hóa thống nhất ở lính vực dịch vụ công, cần được luật hóa vào luật NSNN. Trách nhiệm, quyền hạn trong việc xây dựng, ban hành định mức KTKT trong lĩnh vực giáo dục được phân chia theo từng cấp đơn vị chủ quản, từng cấp học, từng loại hình dịch vụ, loại hình cơ sở đào tạo… dẫn đến tình trạng không thống nhất trong hệ thống định mức KTKT (trường hợp với giáo dục phổ thông: đã có 14/63 tỉnh ban hành định mức KTKT). Thông tư 14/2019/TT-BGDĐT được coi là "kim chỉ nam" cho việc xây dựng định mức KTKT lĩnh vực giáo dục, song nội dung hướng dẫn cụ thể còn những hạn chế nhất định, Kết quả là số lượng cơ sở giáo dục hay các tỉnh thành đã xây dựng, ban hành định mức KTKT còn khá khiêm tốn.

Thứ hai, *khó khăn trong xác định các thành phần của định mức KTKT do hạn chế của kế toán quản trị tại các đơn vị, sự ràng buộc của các quy định pháp lý có liên quan*

Xây dựng hệ thống định mức KTKT, tính giá dịch vụ công là một nội dung công việc chính của kế toán quản trị. Tuy nhiên, hiện nay, chế độ kế toán HCSN không quy định, hướng dẫn nội dung KTQT, theo đó, hệ thống KTQT tại các đơn vị SNCL chưa đầy đủ, chưa được tổ chức khoa học để thu thập, phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ xây dựng định mức KTKT; Thiếu các công cụ hỗ trợ quyết định dựa trên phân tích chi phí - lợi ích, dẫn đến khó khăn trong việc xác định định mức tối ưu.

Thứ ba, *việc xác định và bố trí đủ nguồn lực theo nguyên tắc tài chính công và nguyên tắc thị trường trong lộ trình cải cách tài chính công.*

Khi xây dựng định mức KTKT theo giá thị trường dẫn đến giá dịch vụ công lĩnh vực giáo dục tăng cao, NSNN không đủ nguồn lực bù đắp, nếu thu học phí cao, người dân với thu nhập có hạn, ảnh hưởng đến An sinh xã hội, đây là mâu thuẫn trọn yếu khi xây dựng và quyết định các định mức KTKT cụ thể ở các ngành, các đị phương.

Thứ tư, *khi xây dựng định mức KTKT các cấp các ngành, địa phương thiếu thông tin đồng bộ, thiếu sự chỉ đạo xuyên suốt*

Thứ năm, *hiện nay mỗi cấp mỗi địa phương tự xây dựng chưa có công cụ hỗ trợ đặc biệt đội ngũ chuyên gia am hiểu ở các lĩnh vực khác nhau*

Giải pháp hoàn thiện xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục

Giải pháp 1: Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về định mức KTKT dịch vụ giáo dục

Thứ nhất, cần thiết và cấp bách ban hành Nghị định của Chính phủ hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để nâng cao hiệu lực pháp lý, tính hệ thống và toàn diện của hệ thống định mức KTKT dịch vụ giáo dục. Trong đó: Nghị định/ Quyết định sẽ quy định khung chính sách chung và các nguyên tắc cơ bản, mang tính chiến lược về định mức KTKT dịch vụ giáo dục công lập. Các Thông tư của Bộ GDĐT và Bộ Ban, ngành liên quan sẽ cụ thể hóa các quy định khung, chi tiết hóa các quy trình, nhằm nâng cao tính khả thi và dễ áp dụng trong thực tế sẽ tạo ra một hệ thống pháp lý hoàn chỉnh, chặt chẽ và hiệu quả về định mức KTKT; Theo đó, nội dung Nghị định/Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần tập trung vào các nội dung cốt lõi sau: (1) Phạm vi điều chỉnh (2)Quy định rõ đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc xây dựng, ban hành và áp dụng định mức (4) Nội dung cơ bản của định mức KTKT: Xác định các thành phần cơ bản của định mức KTKT dịch vụ giáo dục công lập, bao gồm định mức chi phí trực tiếp (chi phí nhân công, chi phí vật tư, chi phí thiết bị, chi phí dịch vụ mua ngoài), chi phí quản lý và chi phí khác; (5) Quy định quy trình chung về xây dựng, thẩm định, ban hành và điều chỉnh định mức KTKT dịch vụ giáo dục công lập, phân công trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan, đơn vị liên quan trong từng bước của quy trình. Đảm bảo quy trình khoa học, minh bạch, khách quan và hiệu quả. (6) Xây dựng cơ chế quản lý, cập nhật và giám sát định mức KTKT dịch vụ giáo dục công lập, đảm

bảo định mức được quản lý tập trung, thống nhất, dễ dàng truy cập và sử dụng. (7) Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành: Phân công trách nhiệm cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương và cơ sở giáo dục trong việc tổ chức thực hiện Nghị định/Quyết định và các văn bản hướng dẫn.

Thứ hai, cùng với việc ban hành Nghị định/ Quyết định cấp cao, việc sửa đổi, bổ sung các Thông tư 14/2019/TT-BGDĐT và 07/2020/TT-BLĐTBXH là rất quan trọng để cụ thể hóa các quy định khung, chi tiết hóa các quy trình, phương pháp và định mức mẫu, khắc phục những bất cập và hạn chế đã được chỉ ra trong quá trình thực hiện gồm: Bổ sung định mức cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; Làm rõ phương pháp xác định định mức KTKT: Làm rõ và chi tiết hóa phương pháp xác định định mức KTKT trong cả hai Thông tư 14 và 07; Quy định chi tiết quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành và điều chỉnh định mức; Bổ sung định mức mẫu và hướng dẫn áp dụng; Cơ chế cập nhật và điều chỉnh định mức linh hoạt;

Thứ ba, để đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất, cần rà soát và xác định các văn bản pháp quy khác có liên quan đến định mức KTKT dịch vụ giáo dục công lập,

Thứ tư, sửa đổi luật NSNN trong đó Cải cách phương thức phân bổ ngân sách gắn chặt hơn với kết quả đầu ra, đưa ra các quy định để phân bổ NSNN gắn với kết quả đầu ra, đặc biệt là ban hành nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật thống nhất để chính phủ, địa phương xây dựng các định mức KT-KT cụ thể cho từng ngành, từng cấp từng loại dịch vụ trong các giai đoạn cụ thể. Định mức KT-KT làm cơ sở cho xây dựng và phân bổ dự toán từ đó thực hiện tốt nghị định 32 về đặt hàng và đấu thầu dịch vụ công, thúc đẩy thị trường hàng hóa, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

Thứ năm, có cơ chế cho phép các đơn vị cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục đăng ký định mức KT-KT, từ đó làm cơ sở cho Nhà nước đặt hàng và đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục.

Giải pháp 2: Đảm bảo nguồn lực tài chính để thực hiện thành công các giải pháp hoàn thiện định mức KTKT, việc ưu tiên bố trí đủ ngân sách từ nguồn ngân sách nhà nước là yếu tố tiên quyết.

Thứ nhất, đối với nguồn ngân sách trung ương: Đề xuất tăng cường bố trí ngân sách trung ương cho các hoạt động sau:

- Kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản pháp quy;

- Kinh phí đào tạo nâng cao năng lực cán bộ;

- Kinh phí xây dựng và vận hành hệ thống thông tin: Kinh phí xây dựng cổng thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về định mức KTKT, phát triển phần mềm, duy trì hoạt động hệ thống, cập nhật thông tin.

- Kinh phí kiểm tra, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện định mức KTKT ở các cấp; kinh phí cho các hoạt động truyền thông, quảng bá, tổ chức sự kiện, xây dựng sản phẩm truyền thông.

- Kinh phí hỗ trợ địa phương và cơ sở giáo dục vùng sâu, vùng xa trong xây dựng và áp dụng định mức KTKT.

- Đề xuất các Bộ, ngành chủ trì (Bộ GDĐT, Bộ Tài chính) lập kế hoạch ngân sách chi tiết cho từng hoạt động, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo bố trí đủ kinh phí theo kế hoạch.

Thứ hai, đa dạng hóa nguồn vốn: Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, cần đa dạng hóa các nguồn vốn huy động cho công tác định mức KTKT, tăng cường xã hội hóa và hợp tác quốc tế.

Đối với vốn xã hội hóa: Huy động vốn từ các nguồn xã hội hóa thông qua các hình thức: (i) Hợp tác công tư (PPP); (ii) Tài trợ, viện trợ; (iii) Quỹ phát triển giáo dục; (iv) Thu phí dịch vụ; (v) Cơ chế khuyến khích xã hội hóa (vi) Vốn hợp tác quốc tế…

Đối với dự án hợp tác quốc tế: Xây dựng và triển khai các dự án hợp tác quốc tế với các tổ chức như UNESCO, WB, ADB, UNICEF, EU, các tổ chức phi chính phủ quốc tế và các trường đại học, viện nghiên cứu nước ngoài về định mức KTKT.

Học bổng và trao đổi chuyên gia: Vận động các tổ chức quốc tế, các quốc gia tiên tiến cung cấp học bổng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trao đổi chuyên gia về định mức KTKT.

Hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn: Tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn của các chuyên gia quốc tế trong xây dựng văn bản pháp quy, chương trình đào tạo, công cụ hỗ trợ, mô hình định mức và đánh giá hiệu quả.

Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế: Tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế, học tập kinh nghiệm từ các quốc gia có hệ thống định mức KTKT phát triển.

Cơ chế hợp tác quốc tế: Xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế linh hoạt, hiệu quả, đảm bảo khai thác tối đa các cơ hội hợp tác và nguồn lực quốc tế.

Giải pháp 3: Xây dựng hệ thống thông tin đồng bộ

Để ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác định mức KTKT, việc xây dựng hệ thống thông tin đồng bộ, tích hợp và liên thông là yếu tố then chốt. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về định mức KTKT dịch vụ giáo dục công lập về hệ thống thông tin, lưu trữ và quản lý tập trung, thống nhất toàn bộ dữ liệu về định mức KTKT, bao gồm: (1) Dữ liệu định mức: Định mức mẫu, định mức của các địa phương, cơ sở giáo dục, định mức chuyên ngành, định mức tham khảo, định mức lịch sử, định mức dự kiến; (2) Dữ liệu pháp lý: Văn bản pháp quy, quy định, hướng dẫn, quy trình về định mức KTKT; (3) Dữ liệu về chi phí, nguồn lực: Dữ liệu về chi phí nhân công, vật tư, thiết bị, dịch vụ, chi phí quản lý, nguồn lực tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục; (4) Dữ liệu về hoạt động giáo dục: Dữ liệu về quy mô, loại hình, cấp học, trình độ đào tạo, chương trình đào tạo, hoạt động dạy và học, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động quản lý và các hoạt động khác của các cơ sở giáo dục; (5) Dữ liệu về kết quả đầu ra: Dữ liệu về chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động, mức độ hài lòng của người học, tỷ lệ việc làm của sinh viên, các chỉ số đánh giá chất lượng giáo dục; (6) Dữ liệu về kinh nghiệm và điển hình: Dữ liệu về kinh nghiệm xây dựng và áp dụng định mức KTKT thành công, các mô hình tốt, điển hình, bài học kinh nghiệm trong và ngoài nước; (7) CSDLQG cần được thiết kế khoa học, chuẩn hóa, có cấu trúc dữ liệu rõ ràng, dễ dàng truy cập, tìm kiếm, khai thác, phân tích và chia sẻ. Đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, tin cậy, cập nhật, bảo mật và an toàn của dữ liệu.

Giải pháp 4. Thành lập tổ công tác liên ngành cấp trung ương:

Do công tác định mức KTKT dịch vụ giáo dục công lập liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau nên đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều bộ, ngành cần có sự chỉ đạo, điều phối thống nhất từ trung ương để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống định mức KTKT trên phạm vi toàn quốc.

Giải pháp 5. Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ xây dựng và áp dụng định mức KTKT

Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách để công tác định mức KTKT được thực hiện chuyên nghiệp và hiệu quả, đòi hỏi cần nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp xây dựng và áp dụng định mức KTKT tại đơn vị thì việc xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn nhằm tối ưu hóa quá trình học hỏi và nhân rộng các thực hành hiệu quả, việc thiết lập các kênh và hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, mô hình tốt trong xây dựng và áp dụng định mức KTKT như tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn là yếu tố then chốt. Điều này không chỉ giúp các đơn vị học hỏi lẫn nhau mà còn thúc đẩy sự sáng tạo và cải tiến liên tục.

Giải pháp 6. Xây dựng và phổ biến tài liệu hướng dẫn, công cụ hỗ trợ

Biên soạn cẩm nang hướng dẫn xây dựng định mức KTKT để hỗ trợ cán bộ quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục trong việc xây dựng định mức KTKT một cách bài bản và hiệu quả, việc biên soạn cẩm nang hướng dẫn chi tiết, dễ hiểu và dễ áp dụng là rất cần thiết. Cẩm nang này sẽ là "kim chỉ nam" cho công tác định mức KTKT.

Kết luận: Việc xây dựng hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật là điều kiện kiên quyết cho phân bổ NSNN theo kết quả đầu ra, đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả trong phát triển giáo dục nói chung và quản lý kinh tế trong lĩnh vực giáo dục nói riêng, là điều kiện tiên quyết cho việc đặt hàng, đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục, thúc đẩy xã hội hóa giáo dục, đảm bảo học tập xuốt đời, thúc đẩy thị trường giáo dục phát triển theo định hướng XHCN. Những phân tích nhận định trong bài viết này có tính mở dựa theo phương pháp nghiên cứu tổng hợp, đối chiếu, so sánh và phương pháp chuyên gia, rất mong được sự trao đổi góp ý của quý nhà khoa học quan tâm.

Tài liệu tham khảo:

Chính phủ (2015), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

Chính phủ (2019), Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Chính phủ (2021), Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Bộ Tài chính, đề tài cấp bộ mã 2016-12, đổi mới đầu tư từ NSNN trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, Ngô Thanh Hoàng & Phạm Văn Trường.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. "Mở rộng cạnh tranh trong khu vực công để nâng cao hiệu quả cung ứng HH-DVC ở Việt Nam hiện nay"; Đề tài khoa học cấp bộ, Học viên Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 2006.

Học viện Tài chính, đề tài cấp học viên: Định mức kinh tế kỹ thuật của dịch vụ giáo dục phổ thông công lập ở Việt Nam do TS. Phạm Thị Hoàng Phương làm chủ nhiệm, 2024

Học viện Hành chính Quốc gia, "Các giải pháp thúc đẩy cải cách hành chính", Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 170 - 172.

Quốc hội (2019). Luật đầu tư công 2019.

Quốc hội (2015), Luật Ngân sách nhà nước 2015.

Thông tư số 14/2019/TT-BGD ĐT ngày 30/09/2019 của Bộ Giáo dục Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức KTKT và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.